

VIỆC PHÁT TRIỂN KỸ NGHỆ DẦU HỎA TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Phùng

I. Phần Mở Đầu

Kỹ nghệ dầu hỏa tại Việt Nam bắt đầu được khai thác và phát triển vào khoảng đầu năm 1970. Trong khoảng thời gian từ năm 1970 đến năm 1975 một số công ty dầu hỏa tây phương đã bắt đầu chương trình khai thác dầu hỏa ngoài khơi bờ biển nam Việt Nam. Các công ty này đã tìm kiếm được 2 giếng dầu ở bờ biển này nhưng vì tình hình chính trị thay đổi họ đã rời khỏi Việt Nam vào khoảng cuối năm 1979.

Tiếp theo đó vào khoảng đầu năm 1980 công việc khai thác dầu hỏa tại Việt Nam được giao phó cho công ty hỗn hợp Việt Nam và Nga Số có tên là VietsovPetro đảm nhận. Công ty này tiếp tục khai thác hai giếng dầu nêu trên và đồng thời cũng khai thác thêm một vùng biển ngoài khơi Nam Việt Nam do công ty Mobil đề lại trước khi từ giã Việt Nam vào cuối năm 1979.

Từ năm 1980 trở đi, công việc khai thác dầu hỏa do công ty VietsovPetro tiến triển rất là chậm chạp, với một mức lượng sản xuất rất là thấp kém mặc dầu theo dự tính của các nhà nghiên cứu về dầu hỏa, Việt Nam có một nguồn dự trữ về dầu hỏa khá lớn có thể cung cấp một nguồn tài trợ tài chánh dồi dào cho việc phát triển nền kinh tế và tái thiết đất nước.

Chính vì lý do đó, bắt đầu từ đầu năm 1978 chính sách khai thác dầu hỏa ở Việt Nam đã có rất nhiều biến chuyển quan trọng nhằm mục đích khuyến khích các công ty dầu tư dầu hỏa tây phương tham gia vào công việc tìm kiếm dầu hỏa dọc theo bờ biển Nam-Trung và Bắc Phần Việt Nam.

II. Lịch Sử Việc Khám Phá Dầu Hỏa Tại Việt Nam

Như đã nói trong phần mở đầu, công việc khám phá và khai thác dầu hỏa tại Việt Nam đã bắt đầu vào năm 1970. Đến nay có 3 giếng dầu đang sản xuất tại ngoài khơi bờ biển miền Nam Việt Nam (Hình Số 1). Ba giếng dầu này nằm tại các địa điểm sau đây:

- Vũng Bạch Hồ
- Vũng Đại Hưng
- Vũng Rồng Bàng

Ngoài ra một khối lượng hơi khí (gas) rất lớn cũng đã được khám phá tại Vũng Tiên Hồ gần bờ biển Vịnh Hải Phong.

Mỏ dầu hỏa Bạch Hồ và Đại Hưng được khám phá bởi công ty Mobil vào cuối năm 1975 và mỏ dầu hỏa Rồng Bàng do công ty Shell tìm thấy vào cuối năm 1975. Các công ty này cho biết địa thế của vũng Đại Hưng tương đối hiểm trở hơn nhiều so với địa thế của vũng Bạch Hồ.

Về khả năng dự trữ của các mỏ dầu nêu trên, mặc dầu chưa có một bản tin chính thức nào được phổ biến nhưng theo tài liệu của các khoa học gia và các nhà chuyên môn nghiên cứu về dầu hỏa ở Á Châu, khả năng dự trữ của ba mỏ dầu hỏa Bạch Hồ, Đại Hưng và Rồng Bàng như sau:

- Bạch Hồ: 175* - 300* barrels
 - Đại Hưng: 250* - 350* barrels
 - Rồng Bàng: 075* - 125* barrels
- * theo đơn vị triệu

Trong khoảng thời gian từ năm 1974 đến năm 1980, các công ty dầu hỏa tây phương đã khoan vào khoảng tất cả 18 giếng dầu với tỷ số thành công của Hydrocarbon là 1/3 và tỷ số thành

công của dầu hỏa thay đổi từ 1/6 cho đến 1/9.

Về phương diện thật sự sản xuất, bản chiếc tình sau đây cho thấy số lượng dầu hỏa sản xuất của Việt Nam từ năm 1986, trước năm 1986 số lượng sản xuất được xem là không đáng kể:

Số lượng dầu hỏa sản xuất

Năm	Số lượng	Gia tăng
1986	800 b/d	--
1989	20.000 b/d	25.0 lần
1990	50.000 b/d	2.5 lần
1991	100.000 b/d	2.0 lần

(ước lượng)

Công ty VietsovPetro hiện đang khai thác 3 giếng dầu tại bờ biển miền Nam Việt Nam ước tính rằng khả năng sản xuất của công ty sẽ lên đến vào khoảng 300,000 b/d vào năm 1999.

Vào cuối năm 1987, Việt Nam bắt đầu áp dụng chính sách "Đời Mới" và mở cửa cho các công ty dầu tư dầu hỏa tây phương được phép tham gia vào công việc tìm kiếm dầu hỏa tại Việt Nam. Cho đến nay có tất cả 8 công ty tây phương đã ký kết hợp đồng và vào khoảng 2 hoặc 3 công ty nữa sẽ ký kết trước cuối năm nay (1990) để khai thác dầu hỏa tại Việt Nam.

III. Khả Năng Dầu Hỏa Dự Trữ của Việt Nam

Theo các bản tin của các viện nghiên cứu về kinh tế của các nước vùng Á Châu và Đông Nam Á thì hiện nay còn quá sớm để có thể ước tính một cách chính xác khả năng dầu hỏa dự trữ của Việt Nam, nhưng tất cả các nhà nghiên cứu này đều đồng ý rằng Việt Nam là một trong các quốc gia cuối cùng mà các nhà đầu tư ngoại quốc có dịp để tìm kiếm và khai thác dầu hỏa.

Theo nguồn tin từ PetroVietnam

thì Việt Nam có một diện tích vào khoảng 500,000 km vuông có thể được dùng trong việc tìm kiếm dầu hỏa. Khoảng diện tích này chảy dài từ Bắc vào Nam và được liệt kê như sau:

- Vùng Vịnh Côn Sơn
- Vùng Vịnh Tôn King
- Vùng Lưu Vực Sông Hồng
- Vùng Lưu Vực và Bờ Biển Huế
- Vịnh Vũng Tàu
- Lưu Vực Mekong Delta

Theo một tài liệu nghiên cứu của East-West Research Center, số dầu dự trữ Việt Nam vào khoảng từ 1 đến 2.5 billion barrels, tuy nhiên theo tờ tuần báo kinh tế và tài chính Forbes số ra ngày 15 tháng 10 năm 1990 thì số dầu dự trữ của Việt Nam có thể lên đến 10 billion barrels. Trong vòng từ 10 cho đến 15 năm tới, Việt Nam có thể sản xuất được vào khoảng từ 400,000 đến 600,000 b/d và có thể được xếp ngang ngửa với Mã Lai Á và Úc Đại Lợi trong ngành kỹ nghệ sản xuất dầu hỏa.

VI. Kỹ Nghệ Lọc Dầu ở Việt Nam

Hiện nay kỹ nghệ lọc dầu ở Việt Nam rất còn thô sơ và số lượng sản xuất chỉ vào khoảng 800 b/d. PetroVietnam dự tính xây cất một nhà máy lọc dầu mới để tăng mức sản xuất lên vào khoảng 60,000 b/d vào năm 1994. Việt Nam hiện đang nỗ lực tìm sự cộng tác của các công ty tây phương để tài trợ cho dự án này vì họ không còn đủ khả năng để tiếp tục viện trợ cho Việt Nam trong việc xây dựng nhà máy lọc dầu mới này.

Mức tiêu thụ dầu tại Việt Nam hiện thời vào khoảng 60,000 b/d gồm có 40,000 b/d cho dân sự và 20,000 b/d cho

quân sự. Do ảnh hưởng của chính sách "Đổi Mới", mục tiêu thụ này có thể lên đến từ 75,000 đến 100,000 b/d vào cuối năm 1990.

Một phần lớn số lượng dầu khai thác ở Việt Nam được xuất cảng sang Nhật Bản để làm nguyên liệu trong các nhà máy phát điện bởi vì Việt Nam hiện thời không có khả năng lọc dầu để bán trên thị trường thương mại.

VII. Phần Kết Luận

Theo các nhà nghiên cứu kinh tế về Á Châu và Đông Nam Á, viễn ảnh một nước Việt Nam phú cường trong thế kỷ thứ 21 này sẽ không còn là một giấc mơ

thấp (15 cent/hr) có thể cạnh tranh một cách hữu hiệu với các nước khác. Ngoài ra, Việt Nam chiếm một vị trí quan trọng trong vùng Đông Nam Á và trên thương trường quốc tế với trên 3000 km đường biển và nhiều phi trường có thể phát triển thành tâm vóc phi trường quốc tế và quan trọng hơn hết Việt Nam có một số lượng dự trữ dầu hỏa khá lớn vào khoảng từ 1 đến 10 billion barrels.

Việc phát triển kỹ nghệ dầu hỏa như đã nói ở trên là một bước tiến rất quan trọng trong việc phát triển nền kinh tế của Việt Nam. Sự thành công hay thất bại của ngành kỹ nghệ này tùy thuộc vào các yếu tố sau đây:

1. Chính sách kinh tế tự do và cởi mở của Việt Nam đối với các công ty ngoại quốc nhất là các công ty Hoa Kỳ.

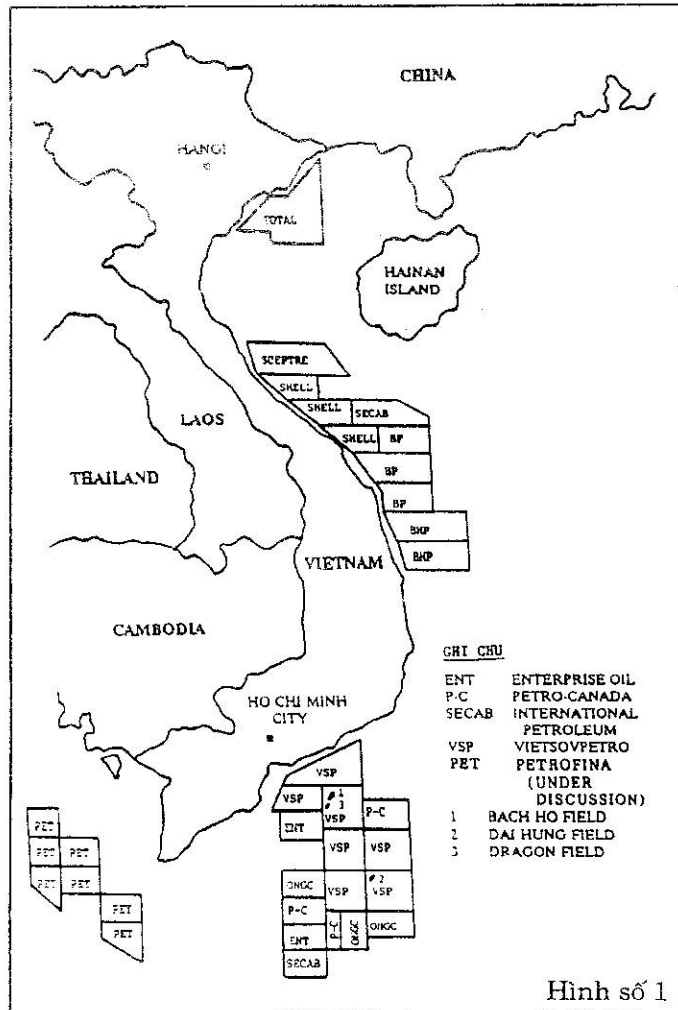
2. Chính sách của Hoa Kỳ về việc chấm dứt sự phong tỏa kinh tế Việt Nam để cho các công ty tư nhân Hoa Kỳ được phép đầu tư vào kỹ nghệ dầu hỏa ở Việt Nam.

3. Nỗ lực của Việt Nam trong việc xây dựng lại nền hạ tầng cơ sở đã quá hư hại ở Việt Nam.

4. Nỗ lực của Việt Nam trong việc cải tổ nền hành chính quá rườm rà của Việt Nam để theo kịp đà tiến triển của thế giới.

5. Thiện chí và nỗ lực của chính phủ Việt Nam trong việc kết hợp, đào tạo một số chuyên viên các ngành khoa học và kỹ thuật có khả năng thực sự để bắt tay vào các công việc điều hành và quản trị các chương trình và dự án phát triển công kỹ nghệ.

6. Sau cùng là thiện chí của các nhà lãnh đạo Việt Nam trong việc cải tổ cơ cấu kinh tế và chính trị nhằm tạo nên một môi trường thuận lợi cho việc phát triển kinh tế để đưa đất nước Việt Nam đến tự do và phú cường.



Hình số 1

nữa bởi vì Việt Nam hội đủ yếu tố cần bản để có thể phát triển và tái thiết quốc gia một cách nhanh chóng hơn. Với một dân số trên 65 triệu người, cần cù, nhẫn nại và có lòng yêu nước, Việt Nam có một thị trường nhân công rất